

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH TÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 4 - 2022

V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Kim Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Sáu
2. Ông Phan Văn Sương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:** không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022; về tranh chấp: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị N, sinh năm 1991. Địa chỉ: phường P, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Anh Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp Y, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N trình bày:* Chị và anh Đ cưới nhau năm 2018, hôn nhân do được mai mối, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; đăng ký kết hôn ngày 17/7/2018 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới có 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K và 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 18K; số vàng này vợ chồng đã bán chỉ tiêu trong gia đình, hiện nay không còn. Con chung: không có. Trong thời gian sống chung, chị và anh Đ không tạo lập được tài sản chung gì; không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại phường P, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Khoảng 03 tháng sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như: anh Đ không

cho chị đi làm; không cho chị tiếp xúc hay nói chuyện với bất cứ ai ở ngoài; vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn cãi nhau về tiền bạc, không hiểu nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Hiện mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn anh Đ; Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đ, anh Đ có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn anh Đ tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh Đ vắng mặt; chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên anh Đ đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Anh Đ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở. Bởi lẽ anh chị bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường xuyên mâu thuẫn, không hiểu nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh chị ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, chị yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn anh Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị N và anh Đ.
2. Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.
3. Về chia tài sản: chị N không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị N nộp theo biên lai thu số 0013382 ngày 05/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị N đã nộp đủ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân Thành, Bình Tân, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

**Phan Kim Ngân**